



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

In hai mặt

Xin lưu ý rằng những thẻ học này được thiết kế để in hai mặt. Nếu máy in của bạn không thể in hai mặt, vui lòng tải xuống các tệp PDF thẻ học đơn để in.

أنا

أنت

هو

هي

هو / هي

نحن

أنتم

هم

ماذا

من

أين

لماذا

كيف

أي

متى

ثم

إذا

حقا

لكن

لأن

ليس

anh ấy

bạn

tôi

chúng tôi / chúng ta

nó

cô ấy

cái gì

họ

các bạn

tại sao

ở đâu

ai

lúc nào

cái nào

làm sao

thật sự

nếu

sau đó

không

bởi vì

nhưng

هذا

انا بحاجة لهذا

كم ثمن هذا؟

أن

جميع

أو

و

يعرف

أنا أعرف

أنا لا أعرف

يفكر

يأتي

يضع

يأخذ

يجد

يستمع

يعمل

يتحدث

يعطي
أشياء

يعجب

يساعد

Cái này giá bao nhiêu?

Tôi cần cái này

này

hoặc

tất cả

đó

Tôi biết

biết

và

đến

nghĩ

Tôi không biết

tìm

lấy

đặt

nói chuyện

làm việc

nghe

giúp đỡ

thích

cho

يحب

يجري مكالمة هاتفية

ينتظر

أنا معجب بك

أنا لا أحب هذا

هل تحبني؟

أحبك

صفر

واحد

اثنان

ثلاثة

أربعة

خمسة

ستة

سبعة

ثمانية

تسعة

عشرة

أحد عشر

اثنا عشر

ثلاثة عشر

chờ đợi

gọi

yêu

Bạn có yêu tôi không?

Tôi không thích cái này

Tôi thích bạn

1

0

Tôi yêu bạn

4

3

2

7

6

5

10

9

8

13

12

11

أربعة عشر

خمسة عشر

سنة عشر

سبعة عشر

ثمانية عشر

تسعة عشر

عشرون

جديد

قديم

قليل

كثير

كم؟

كم عدد؟

خاطئ

صحيح

سيئ

جيد

سعيد

قصير
طريق

طويل
طريق

صغير

16

15

14

19

18

17

cũ

mới

20

bao nhiêu?

nhiều

ít

chính xác

sai

bao nhiêu?

hạnh phúc

tốt

xấu

nhỏ

dài

ngắn

كبير

هناك

هنا

يمين

يسار

جميل

شاب

عجوز

مرحبا
زميل

أراك لاحقا

حسنا

اعتن بنفسك

لا تقلق

بالطبع

يوم جيد

مرحبا
صديق

وداعا

مع السلامة

اعذرني

آسف

شكرا

đây

đó

lớn

xinh đẹp

trái

phải

xin chào

già

trẻ

bảo trọng nhé

được

hẹn gặp lại

chúc ngày tốt lành

tất nhiên

đừng lo

tạm biệt

bái bai

chào

cảm ơn bạn

xin lỗi

xin làm phiền

من فضلك

أريد هذا

الآن

بعد الظهر

صباح
11:00-9:00

ليل

صباح
9:00-6:00

مساء

ظهر

منتصف الليل

ساعة
وقت

دقيقة

ثانية

يوم

أسبوع

شهر

سنة

وقت

تاريخ
وقت

أول أمس

أمس

bây giờ

Tôi muốn cái này

làm ơn

ban đêm

buổi sáng

buổi chiều

buổi trưa

buổi tối

buổi sáng

phút

giờ

nửa đêm

tuần

ngày

giây

thời gian

năm

tháng

hôm qua

ngày hôm kia

ngày tháng

اليوم

غدا

بعد غد

الاثنين

الثلاثاء

الأربعاء

الخميس

الجمعة

السبت

الأحد

غدا هو السبت

حياة

امراة

رجل

حب

خليل

صديقة

صديق

قبلة

جنس

طفل
12-3

ngày kia

ngày mai

hôm nay

thứ tư

thứ ba

thứ hai

thứ bảy

thứ sáu

thứ năm

cuộc đời

Ngày mai là thứ bảy

chủ nhật

tình yêu

đàn ông

đàn bà

bạn

bạn gái

bạn trai

trẻ em

tình dục

hôn

طفل
2-0

بنت

ولد

أم

أب

الأم

الأب

الآباء

ابن

ابنة

أخت صغيرة

أخ صغير

أخت كبرى

اخ أكبر

يقف

يجلس

يستلقي

يغلق

يفتح
باب

يخسر

يفوز

con trai

con gái

em bé

má

ba

mẹ

con trai

cha mẹ

cha

em trai

em gái

con gái

đúng

anh trai

chị gái

đóng

nằm xuống

ngồi

thắng

thua

mở

يموت

يعيش

يضيئ

يطفئ

يقتل

يجرح

يلمس

يشاهد

يشرب

يتناول

يسير

يقابل

يراهن

يقبل

يتابع

يتزوج

يجيب

يسأل

سؤال

شركة

أعمال

bật

sống

chết

làm bị thương

giết

tắt

uống

xem

chạm

gặp

đi bộ

ăn

đi theo

hôn

đặt cược

hỏi

trả lời

cưới

kinh doanh

công ty

câu hỏi

وظيفة

مال

هاتف

مكتب
حجرة العمل

طبيب

مستشفى

ممرضة

شرطي

رئيس

أبيض

أسود

أحمر

أزرق

أخضر

أصفر

بطيء

سريع

مضحك

ظالم

عادل

صعب

điện thoại

tiền

việc làm

bệnh viện

bác sĩ

văn phòng

tổng thống

cảnh sát

y tá

màu đỏ

màu đen

màu trắng

màu vàng

màu xanh lá cây

màu xanh da trời

vui vẻ

nhanh

chậm

khó

công bằng

không công bằng

سهل

هذا صعب

غني

فقير

قوي
عضلة

ضعيف

آمن

متعب

فخور

ممتلئ
طعام

مريض
صفة

صحي

غاضب

منخفض

مرتفع

مستقيم

كل

دائما

في الواقع

مرة أخرى

بالفعل

giàu

Cái này khó

dễ

yếu

khỏe

nghèo

tự hào

mệt mỏi

an toàn

khỏe mạnh

bệnh

no bụng

cao

thấp

tức giận

luôn luôn

mỗi / mọi

thẳng

đã

lần nữa

thực ra

أقل

معظم

أكثر

أريد المزيد

لا شيء

جدا

حيوان

خنزير

بقرة

حصان

كلب

خروف

قرد

قط

دب

دجاجة

بطة

فراشة

نحلة

سمكة

عنكبوت

nhiều hơn

phần lớn

ít hơn

rất

không có

Tôi muốn nhiều hơn

con bò

con lợn

động vật

con cừu

con chó

con ngựa

con gấu

con mèo

con khỉ

con bướm

con vịt

con gà

con nhện

con cá

con ong

ثعبان

بالخارج

بالداخل

بعيد

قريب

تحت

فوق

بجانب

أمام

خلف

حلو

حامض

غريب

ناعم

صلب
صفة

لطيف

غبي

مجنون

مشغول

طويل
شخص

قصير
شخص

ở trong

ở ngoài

con rắn

bên dưới

gần

xa

phía trước

bên cạnh

bên trên

chua

ngọt

phía sau

cứng

mềm

lạ

điên khùng

ngu ngốc

đáng yêu

thấp

cao

bận rộn

قلق

مندهش

مرح

مؤدب

شرير

نكي

بارد

حار
دافئ

رأس

أنف

شعر

فم

أذن

عين

يد

قدم

قلب

منخ

يسحب
باب

يدفع
باب

يضغط

ngẫu

ngạc nhiên

lo lắng

khéo léo

ác độc

cư xử tốt

đầu

nóng

lạnh

miệng

tóc

mũi

bàn tay

mắt

tai

não

tim

bàn chân

ấn

đẩy

kéo

يضرب
شخص

يمسك

يقاتل

يرمي

يجري

يقرأ

يكتب

يصلح

يحسب
3, 2, 1

يقطع

يبيع

يشترى

يدفع نقود

يدرس

يحلم

ينام

يلعب

يحتفل

يستريح

يستمتع

ينظف

chiến đấu

bắt

đánh

đọc

chạy

ném

đếm

sửa chữa

viết

mua

bán

cắt

mơ

học

trả

ăn mừng

chơi

ngủ

dọn dẹp

thưởng thức

nghỉ ngơi

مدرسة

منزل

باب

زوج

زوجة

زفاف

شخص

سيارة

بيت

مدينة

رقم

واحد وعشرون

اثنان وعشرون

ستة وعشرون

ثلاثون

واحد وثلاثون

ثلاثة وثلاثون

سبعة وثلاثون

أربعون

واحد وأربعون

أربعة وأربعون

cửa

nhà ở

trường học

đám cưới

vợ

chồng

nhà

xe hơi

người

21

số

thành phố

30

26

22

37

33

31

44

41

40

ثمانية و أربعون

خمسون

واحد وخمسون

خمسة وخمسون

تسعة وخمسون

ستون

واحد وستون

اثنان وستون

سنة وستون

سبعون

واحد وسبعون

ثلاثة وسبعون

سبعة وسبعون

ثمانون

واحد وثمانون

أربعة وثمانون

ثمانية وثمانون

تسعون

واحد وتسعون

خمسة وتسعون

تسعة وتسعون

51

50

48

60

59

55

66

62

61

73

71

70

81

80

77

90

88

84

99

95

91

مائة

ألف

عشرة آلاف

مائة ألف

مليون

كلمي

قطك

فستانها

سيارته

كرته

بيتنا

فريقك

شركتهم

الجميع

سويا

آخر

لا يهم

في صحتك

استرح

أنا موافق

مرحبا
زائر

10.000

1000

100

con chó của tôi

1.000.000

100.000

xe của anh ấy

váy của cô ấy

con mèo của bạn

đội của bạn

nhà của chúng tôi

quả bóng của nó

cùng nhau

mọi người

công ty của họ

chúc mừng

không thành vấn đề

khác

chào mừng

tôi đồng ý

thư giãn đi

لا قلق

انعطف يمينا

انعطف يسارا

انطلق للأمام

تعال معي

بيضة

جبين

حليب

سمك

لحم

خضار

فاكهة

عظم

زيت

خبز

سكر

شوكولاتة

حلوي

كعكة

مشروب

مياه

rễ trái

rễ phải

không phải lo

trúng

Hãy đi với tôi

đi thẳng

cá

sữa

phô mai

trái cây

rau

thịt

bánh mì

dầu

xương

kẹo

sô cô la

đường

nước

đồ uống

bánh bông lan

مياه غازية

قهوة

شاي

بيرة

نبيذ

سلطة

حساء

حلوى

إفطار

غداء

عشاء

بيتزا

أتوبيس

قطار

محطة قطار

موقف حافلات

طائرة

سفينة

لوري

دراجة

دراجة نارية

trà

cà phê

nước soda

sa lát

rượu nho

bia

bữa ăn sáng

món tráng miệng

súp

pizza

bữa tối

bữa trưa

ga xe lửa

xe lửa

xe buýt

tàu

máy bay

trạm dừng xe buýt

xe mô tô

xe đạp

xe tải

تاكسي

اشارة المرور

موقف السيارات

طريق

ملابس

حذاء

معطف

سترة

قميص

جاكيت

بدلة

سروال

فستان

تي شيرت

جورب

حمالة صدر

السراويل الداخلية

نظارات

حقيبة يد

محفظة نسائية

محفظة

bãi đậu xe

đèn giao thông

xe taxi

giày dép

quần áo

đường

áo sơ mi

áo len

áo choàng

quần dài

áo phực

áo khoác

bít tất

áo phông

đầm

kính

quần lót

áo ngực

ví

ví tiền

túi xách

خاتم

قبعة

ساعة
ذراع

جيب

ما اسمك؟

اسمي ديفيد

عمري 22 عاما

كيف حالك؟

هل انت بخير؟

أين المرحاض؟

أفقدك

الربيع

الصيف

الخريف

الشتاء

يناير

فبراير

مارس

أبريل

مايو

يونيو

đồng hồ đeo tay

mũ

nhẫn

Tên của tôi là David

Bạn tên gì?

túi

Bạn có ổn không?

Bạn có khỏe không?

Tôi 22 tuổi

mùa xuân

Tôi nhớ bạn

Nhà vệ sinh ở đâu vậy?

mùa đông

mùa thu

mùa hè

tháng ba

tháng hai

tháng một

tháng sáu

tháng năm

tháng tư

يوليو

أغسطس

سبتمبر

أكتوبر

نوفمبر

ديسمبر

تسوق

فاتورة

سوق

سوبر ماركت

بناء

شقة

جامعة

مزرعة

كنيسة

مطعم

حانة

نادي رياضي

حديقة
مدينة

مراحض

خريطة

tháng chín

tháng tám

tháng bảy

tháng mười hai

tháng mười một

tháng mười

chợ

hóa đơn

mua sắm

căn hộ

tòa nhà

siêu thị

nhà thờ

nông trại

trường đại học

phòng thể dục

quán bar

nhà hàng

bản đồ

nhà vệ sinh

công viên

سياره اسعاف

شرطة
مركز شرطة

بنديقة

رجال الاطفاء

بلد

ضاحية

قرية

صحة

دواء

حادث

مريض
شخص

جراحة

حبة دواء

حمى

برد

جرح
دموي

موعد

سعال

الرقبة

أسفل

كتف

súng

cảnh sát

xe cứu thương

ngoại ô

quốc gia

lính cứu hỏa

dược phẩm

sức khỏe

ngôi làng

phẫu thuật

bệnh nhân

tai nạn

cảm lạnh

sốt

viên thuốc

ho

cuộc hẹn

vết thương

vai

mông

cổ

ركبة

ساق

ذراع

بطن

ثدي

الظهر

سن

لسان

شفة

اصبع اليد

إصبع القدم

معدة

رئة

كبد

عصب

كلية

أمعاء

لون

برتقالي

رمادي

بني

tay

chân

đầu gối

lưng

ngực

bụng

môi

lưỡi

răng

dạ dày

ngón chân

ngón tay

dây thần kinh

gan

phổi

màu sắc

ruột

thận

màu nâu

màu xám

màu cam

وردي

ممل

ثقیل

خفيف

وحيد

جوعان

عطشان

حزين

شدید الانحدار

مسطح

مستدير

ذو زاوية

ضيق

واسع

عميق

ضحل

ضخم

شمال

شرق

جنوب

غرب

nặng

nhàm chán

màu hồng

đôi bụng

cô đơn

nhẹ

đốc

buồn

khát nước

vuông

tròn

bằng phẳng

sâu

rộng

hẹp

bắc

lớn

nông

tây

nam

đông

متسخ

نظيف

ممتلئ
صفة

فارغ

غالي

رخيص

غامق

فاتح

مثير

كسول

شجاع

كريم
صفة

وسيم

قبيح

سخيف

ودود

مذنب

أعمى

سكران

مبتل

جاف

đầy

sạch sẽ

bẩn

rẻ

đắt

trống rỗng

quyến rũ

sáng

tối

hào phóng

dũng cảm

lười biếng

ngớ ngẩn

xấu xí

đẹp trai

mù

tội lỗi

thân thiện

khô

ướt

say

دافئ

صاحب

هادئ
صامت

صامت

مطبخ

حمام

غرفة المعيشة

غرفة النوم

حديقة
منزل

مرآب

جدار

القبو

الحمام

سلاسل

السطح

شباك

سكينة

كوب
حار

كوب
بارد

طبق

فنجان

yên tĩnh

ồn ào

ấm áp

phòng tắm

nhà bếp

im lặng

vườn

phòng ngủ

phòng khách

tầng hầm

tường

gara

mái nhà

cầu thang

nhà vệ sinh

tách

dao

cửa sổ

cốc

đĩa

ly

سلة المهملات

وعاء

تلفزيون
جهاز

مكتب
طاولة

سرير

مرآة

دش

كنبة

صورة

ساعة
جدار

طاولة

كرسي

حمام سباحة
حديقة

جرس

جار

يفشل

يختار

يطلق النار

يصوت

يسقط

يدافع

bộ tivi

tô

thùng rác

gương

giường

bàn

ảnh

ghế sofa

vòi hoa sen

ghế

bàn

đồng hồ

hàng xóm

chuông

hồ bơi

bắn

chọn

thất bại

bảo vệ

rơi xuống

bình chọn

يهاجم

يسرق

يحرق

ينقذ

يدخن

يطير

يحمل
أشياء

يبصق

يركل

يلدغ

يتنفس

يشم

يبكي

يغني

يبتسم

يضحك

ينمو

ينكمش

يناقش

يهدد

يشارك

đốt

trộm

tấn công

bay

hút thuốc

cứu

đá

khắc nhở

mang theo

ngủi

thở

cẩn

cười mỉm

hát

khóc

co lại

lớn lên

cười

chia sẻ

đe dọa

tranh luận

يغذي

يخفي

يحذر

يسبح

يقفز

يلف

يرفع

يحفر

ينسخ
محتوى

يسلم

يبحث عن

يمارس

يسافر

يطلي

يستحم

يفتح
مفتاح

يقفل

يغسل

يصلي

يطبخ

كتاب

cảnh báo

trốn

cho ăn

lăn

nhảy

bơi

sao chép

đào

nâng

luyện tập

tìm kiếm

giao hàng

tắm vòi sen

vẽ

đi du lịch

rửa

khóa

mở

sách

nấu ăn

cầu nguyện

مكتبة

واجب منزلي

امتحان

درس

علوم

تاريخ
مادة دراسية

فن

انجليزي

فرنسي

قلم

قلم رصاص

ثلاثة بالمائة

أول

ثاني

ثالث

رابع

نتيجة

مربع

دائرة

مساحة

بحث

bài thi

bài tập về nhà

thư viện

lịch sử

khoa học

bài học

tiếng Pháp

tiếng Anh

nghệ thuật

3%

bút chì

cây bút

thứ ba

thứ hai

thứ nhất

hình vuông

kết quả

thứ tư

nguyên cứu

diện tích

hình tròn

ماجستير

بكالوريوس

درجة

ضغط

y أكبر من x

y أصغر من x

قسم

موظفين

تأمين

رسالة

عنوان

راتب

طيار

مخبر

قبطان

محام

مدرس

أستاذ

قاضي

مساعد

سكرتيرة

thạc sĩ

cử nhân

bằng cấp

áp lực

$x > y$

$x < y$

bộ phận

nhân viên

bảo hiểm

lá thư

địa chỉ

lương

phi công

thám tử

thuyền trưởng

luật sư

giáo viên

giáo sư

thẩm phán

trợ lý

thư ký

مدير
شركة

مدير
قسم

طباخ

سائق تاكسي

سائق حافلة

مجرم

عارض

فنان

رقم هاتف

استقبال

تطبيق

دردشة

ملف

رابط

عنوان البريد الإلكتروني

موقع إلكتروني

بريد إلكتروني

هاتف محمول

قانون

سجن

دليل

đầu bếp

quản lý

giám đốc

tội phạm

tài xế xe buýt

tài xế taxi

số điện thoại

nghệ sĩ

người mẫu

trò chuyện

ứng dụng

tín hiệu

địa chỉ email

url

tập tin

điện thoại di động

thư điện tử

trang mạng

chứng cứ

nhà tù

pháp luật

غرامة

شاهد

محكمة

توقيع

خسارة

ربح

عميل

مبلغ

بطاقة ائتمان

كلمه السر

الصراف الآلي

حمام سباحة
رياضة

طاقة

كاميرا

راديو

هدية

زجاجة

حقيبة

مفتاح

دمية

ملاك

tòa án

nhân chứng

tiền phạt

lợi nhuận

thua lỗ

chữ ký

thẻ tín dụng

số tiền

khách hàng

bể bơi

máy rút tiền

mật khẩu

đài radio

máy ảnh

điện

cái túi

cái chai

quà tặng

thiên thần

búp bê

chìa khóa

مشط

معجون أسنان

فرشاة أسنان

شامبو

كريم
صيدلي

مناديل

أحمر شفاه

تلفزيون
أخبار

سينما

أخبار

مقعد
سينما

تذكرة

شاشة
سينما

موسيقى

المسرح

جمهور

لوحة

نكتة

مقال

جريدة

مجلة

bàn chải đánh răng

kem đánh răng

lược

khăn giấy

kem thoa

dầu gội

rạp chiếu phim

truyền hình

son môi

vé

ghế

tin tức

sân khấu

âm nhạc

màn chiếu

trò đùa

hội họa

khán giả

tạp chí

báo chí

bài báo

إعلانات

طبيعة

رماد

نار

ماس

القمر

الأرض

شمس

نجم

كوكب

الكون

ساحل

بحيرة

غابة

صحراء

تل

صخرة

نهر

وادي

جبل

جزيرة

tro

thiên nhiên

quảng cáo

mặt trăng

kim cương

lửa

ngôi sao

mặt trời

Trái Đất

bờ biển

vũ trụ

hành tinh

sa mạc

rừng

hồ

con sông

đá

đồi núi

đảo

núi

thung lũng

محيط

بحر

طقس

جليد

ثلج

عاصفة

مطر

رياح

نبات

شجرة

عشب

وردة

زهرة

غاز

فلز

ذهب

فضة

الفضة أرخص من الذهب

الذهب أغلى من الفضة

عطلة

عضو

thời tiết

biển

đại dương

bão táp

tuyết

băng

thực vật

gió

mưa

hoa hồng

cỏ

cây

kim loại

chất khí

hoa

Bạc rẻ hơn vàng

bạc

vàng

thành viên

ngày lễ

Vàng đắt hơn bạc

فندق
غالي

شاطئ
بحر

زائر
منزل

عيد ميلاد

عيد الميلاد

سنة جديدة

عيد الفصح

عم

عمة

جدة لأب

جد لأب

جدة لأم

جد لأم

موت

قبر

طلاق

عروس

عريس

مائة وواحد

مائة وخمسة

مائة وعشرة

khách

bờ biển

khách sạn

Năm Mới

Giáng sinh

sinh nhật

cô

chú

Lễ Phục sinh

bà ngoại

ông nội

bà nội

phần mộ

tử vong

ông ngoại

chú rể

cô dâu

ly hôn

110

105

101

مائة واحد وخمسون

مائتان

مائتان واثنین

مائتان وستة

مائتان وعشرون

مائتان واثنان وستون

ثلاثمائة

ثلاثمائة وثلاثة

ثلاثمائة وسبعة

ثلاثمائة وثلاثون

ثلاثمائة وثلاثة وسبعون

أربعمائة

أربعمائة وأربعة

أربعمائة وثمانية

أربعمائة وأربعون

أربعمائة وأربعة وثمانون

خمسمائة

خمسمائة وخمسة

خمسمائة وتسعة

خمسمائة وخمسون

خمسمائة وخمسة وتسعون

202

200

151

262

220

206

307

303

300

400

373

330

440

408

404

505

500

484

595

550

509

ستمائة

ستمائة وواحد

ستمائة وستة

ستمائة وستة عشر

ستمائة وستون

سبعمائة

سبعمائة واثنان

سبعمائة وسبعة

سبعمائة سبعة وعشرون

سبعمائة وسبعون

ثمانمائة

ثمانمائة وثلاثة

ثمانمائة وثمانية

ثمانمائة وثمانية وثلاثون

ثمانمائة وثمانون

تسعمائة

تسعمائة وأربعة

تسعمائة وتسعة

تسعمائة وتسعة وأربعون

تسعمائة وتسعون

نمر

606

601

600

700

660

616

727

707

702

803

800

770

880

838

808

909

904

900

con hỏ

990

949

فأر

جرذ

أرنب

أسد

حمار

فيل

طائر

ديك صغير

حمامة

إوز

حشرة

بق

ناموسة

ذبابة

نملة

حوت

قرش

دلفين

حلزون

ضفدع

غالبا

con thỏ

con chuột cống

con chuột

con voi

con lừa

con sư tử

con chim bồ câu

con gà trống choai

con chim

con bọ

côn trùng

con ngỗng

con kiến

con ruồi

con muỗi

con cá heo

con cá mập

con cá voi

thường xuyên

con ếch

con ốc sên

فورا

فجأة

بالرغم من

الجمباز

تنس

الجري

ركوب الدراجات

جولف

تزلج على الجليد

كرة قدم

كرة سلة

سباحة

غوص

المشي لمسافات طويلة

المملكة المتحدة

اسبانيا

سويسرا

ايطاليا

فرنسا

ألمانيا

تايلاند

mặc dù

đột ngột

ngay lập tức

chạy

quần vợt

thể dục dụng cụ

trượt băng

đánh golf

đạp xe

bơi lội

bóng rổ

bóng đá

Vương quốc Anh

đi bộ đường dài

lặn

Ý

Thụy sĩ

Tây Ban Nha

Thái Lan

Đức

Pháp

سنغافورة

روسيا

اليابان

إسرائيل

الهند

الصين

الولايات المتحدة الأمريكية

المكسيك

كندا

تشيلي

البرازيل

الأرجنتين

جنوب افريقيا

نيجيريا

المغرب

ليبيا

كينيا

الجزائر

مصر

نيوزيلندا

أستراليا

Nhật Bản

Nga

Singapore

Trung Quốc

Ấn Độ

Israel

Canada

Mexico

Hoa Kỳ

Argentina

Brazil

Chile

Ma Rốc

Nigeria

Nam Phi

Algeria

Kenya

Libya

Úc

New Zealand

Ai Cập

أفريقيا

أوروبا

آسيا

أمريكا

ربع ساعة

نصف ساعة

ثلاثة أرباع ساعة

الساعة الواحدة

الثانية وخمس دقائق

الثالثة وعشر دقائق

الرابعة والرابع

الخامسة وعشرون دقيقة

السادسة وخمسة وعشرون
دقيقة

السابعة والنصف

الثامنة وخمسة وثلاثون
دقيقة

العاشر إلا الثلث

الحادية عشر إلا الربع

الثانية عشر إلا عشر دقائق

الواحدة إلا خمس دقائق

الساعة الواحدة صباحا

الساعة الثانية بعد الظهر

Châu Á

Châu Âu

Châu Phi

nửa tiếng

mười lăm phút

Châu Mỹ

2:05

1:00

bốn mươi lăm phút

5:20

4:15

3:10

8:35

7:30

6:25

11:50

10:45

9:40

hai giờ chiều

một giờ sáng

12:55

الأسبوع الماضي

هذا الأسبوع

الأسبوع القادم

العام الماضي

هذه العام

العام القادم

الشهر الماضي

هذا الشهر

الشهر القادم

الأول من يناير ألفان وأربعة
عشر

الخامس والعشرون من
فبراير ألفان وثلاثة

الثاني عشر من إبريل ألف
وتسعمائة وثمانية وثمانين

الثالث عشر من أكتوبر ألف
وثمانمائة وتسعة وتسعين

الثلاثون من سبتمبر ألف
وتسعمائة وسبعة

الثاني عشر من ديسمبر ألفان

جبين

تجاعيد

نقن

خد

لحية

رموش

tuần sau

tuần này

tuần trước

năm sau

năm nay

năm ngoái

tháng sau

tháng này

tháng trước

1988-04-12

2003-02-25

2014-01-01

2000-12-12

1907-09-30

1899-10-13

cằm

nếp nhăn

trán

lông mi

râu

má

حاجب

خصر

مؤخرة العنق

صدر

ابهام اليد

الخنصر

البنصر

الوسطى

السبابة

معصم

ظفر

الكعب

العمود الفقري

عضلة

عظمة

الهيكل العظمي

ضلع

فقرات الظهر

مثانة

وريد

شريان

gáy

eo

lông mày

ngón tay út

ngón cái

lồng ngực

ngón tay trỏ

ngón tay giữa

ngón tay đeo nhẫn

gót chân

móng tay

cổ tay

xương

cơ bắp

xương sống

đốt sống

xương sườn

bộ xương

động mạch

tĩnh mạch

bàn quang

مهبل

حيوان منوي

قضيب

خصية

كثير العصارة

حار
بهار

مملح

نئ

مغلي

خجول

طماع

صارم

أصم

dương vật

tinh trùng

âm đạo

cay

mộng nước

tinh hoàn

lượt

sống

mặn

nghiêm khắc

tham lam

nhút nhát

điếc